

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2023



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6 - 7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 47

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST theo Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Lê Đức Long	Thành viên
Ông Kim Hongjin	Thành viên
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2023
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2023 của Công ty cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2023 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2023 kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2023 của Công ty và các công ty con ("báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2023") đề ngày 28 tháng 07 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2023 nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2023 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		184.302.046.119	186.218.586.258
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	13.286.251.406	20.158.378.184
111	1. Tiền		8.280.293.419	20.152.124.025
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.005.957.987	6.254.159
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	111.300.000.000	70.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		111.300.000.000	70.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		50.633.971.657	86.178.597.588
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	18.042.572.836	18.401.903.168
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	11.289.079.105	3.061.511.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	7.500.000.000	51.277.848.500
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	13.802.319.716	13.437.334.920
140	IV. Hàng tồn kho	10	6.556.272.928	6.935.415.372
141	1. Hàng tồn kho		6.556.272.928	6.935.415.372
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.525.550.128	2.146.195.114
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.272.619.238	957.739.712
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	1.252.655.890	1.188.118.402
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	275.000	337.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		391.700.387.362	372.641.674.083
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		972.815.800	1.435.658.341
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	972.815.800	1.435.658.341
220	II. Tài sản cố định		20.145.300.109	25.641.691.524
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	20.127.900.109	25.606.891.524
222	Nguyên giá		78.551.831.215	78.551.831.215
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(58.423.931.106)	(52.944.939.691)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	17.400.000	34.800.000
228	Nguyên giá		492.742.000	492.742.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(475.342.000)	(457.942.000)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	14	369.765.138.056	344.795.138.056
251	1. Đầu tư vào công ty con		267.359.997.356	237.389.997.356
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		96.000.000.000	96.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.405.140.700	6.405.140.700
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		817.133.397	769.186.162
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	817.133.397	769.186.162
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		576.002.433.481	558.860.260.341


BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		40.419.228.899	40.829.703.579
310	I. Nợ ngắn hạn		40.419.228.899	40.829.703.579
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	17.089.352.600	17.852.722.398
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		266.800.257	1.688.871.795
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	8.479.772.984	3.639.304.115
314	4. Phải trả người lao động		9.376.659.207	8.542.148.968
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	293.650.559	540.594.872
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.265.927.903	1.014.539.867
320	7. Vay ngắn hạn	19	2.812.000.000	5.882.456.175
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		835.065.389	1.669.065.389
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	535.583.204.582	518.030.556.762
410	I. Vốn chủ sở hữu		535.583.204.582	518.030.556.762
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		85.583.204.582	68.030.556.762
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		68.030.556.762	34.985.219.578
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay		17.552.647.820	33.045.337.184
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		576.002.433.481	558.860.260.341




Trần Văn Hưng
Người lập



Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng




Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2023

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	69.871.327.230	56.854.851.785	138.967.304.979	89.033.981.073
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	69.871.327.230	56.854.851.785	138.967.304.979	89.033.981.073
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(30.522.453.955)	(24.140.476.951)	(60.867.907.665)	(39.056.974.088)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.348.873.275	32.714.374.834	78.099.397.314	49.977.006.985
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	2.047.446.063	1.550.750.793	4.220.736.575	3.219.745.018
22	7. Chi phí tài chính	23	450.620.452	(1.181.769.413)	(283.579.333)	(518.261.871)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(80.018.037)	(223.982.989)	(207.297.599)	(471.449.211)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(19.992.969.001)	(12.098.561.320)	(39.692.197.129)	(25.826.037.363)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(10.033.614.526)	(7.639.545.476)	(20.112.954.403)	(14.507.668.194)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.820.356.263	13.345.249.418	22.231.403.024	12.344.784.575
31	11. Thu nhập khác	26	39.391.675	30.413.014	83.259.916	72.344.215
32	12. Chi phí khác	26	(292.002)	(24.994.686)	(139.688.485)	(39.274.879)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	26	39.099.673	5.418.328	(56.428.569)	33.069.336
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.859.455.936	13.350.667.746	22.174.974.455	12.377.853.911

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2022
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(2.370.799.709)	-	(4.466.326.635)	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.488.656.227	13.350.667.746	17.708.647.820	12.377.853.911



Trần Văn Hưng
Người lập

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2023



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		22.174.974.455	12.377.853.911
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		5.496.391.415	6.002.432.867
03	Các khoản dự phòng		-	36.536.000
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		16.970.239	(816.038)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.220.736.575)	(3.246.025.286)
06	Chi phí lãi vay	23	207.297.599	471.449.211
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.674.897.133	15.641.430.665
09	Tăng các khoản phải thu		(9.541.098.154)	(1.485.171.138)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		379.142.444	(1.382.778.246)
11	Tăng các khoản phải trả		330.059.068	4.939.436.824
12	Tăng chi phí trả trước		(362.826.761)	(318.096.303)
14	Tiền lãi vay đã trả		(87.230.756)	(626.469.036)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.422.471.051)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(990.000.000)	(9.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.980.471.923	16.759.352.766
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		-	(4.625.072.725)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(61.000.000.000)	(27.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		69.277.848.500	52.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(29.970.000.000)	(14.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.926.979.213	5.577.804.980
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15.765.172.287)	11.952.732.255

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	25.576.488.018
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.070.456.175)	(29.474.822.934)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.070.456.175)	(3.898.334.916)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.855.156.539)	24.813.750.105
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		20.158.378.184	2.458.678.123
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(16.970.239)	816.038
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	13.286.251.406	27.273.244.266

Trần Văn Hưng
Người lập

Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST theo Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 348 người (ngày 01 tháng 01 năm 2023: 346 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có 7 công ty con, bao gồm:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng (“Công ty Taseco Đà Nẵng”)	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn (“Công ty Taseco Sài Gòn”)	65%	65%	57 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ, dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm, dịch vụ đón tiễn, đại lý du lịch và điều hành tua du lịch, đại lý thu đổi ngoại tệ, dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng (“Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng”)	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có 7 công ty con, bao gồm: (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Công ty Taseco Media")	99,9%	99,9%	Tầng 1 tòa N02-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo, viễn thông, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống.
5	Công Ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco ("Công ty Jalux Taseco")	51%	51%	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bán hàng miễn thuế, các dịch vụ phụ trợ khác.
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Phú Quốc ("Công ty Taseco Phú Quốc")	65%	65%	SS26-S06 Khu du lịch Sonasea villas & Resort, Xã Dương Tơ, TP Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh ("Công ty Hà Linh")	51%	51%	Tầng 3, Nhà ga T1, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, và các dịch vụ liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này. Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 vào ngày 28 tháng 07 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	5 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty, Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty, Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế của mỗi hợp đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 Mua cổ phần công ty con

Theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 3 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án mua thêm 2.997.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng trong đợt phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ. Vào ngày 22 tháng 3 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng. Việc mua thêm này không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Tiền mặt	1.526.779.692	1.964.648.078
Tiền gửi ngân hàng	6.753.513.727	18.187.475.947
Tiền tương đương tiền	5.005.957.987	6.254.159
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	5.000.000.000	-
- Các khoản tương đương tiền khác (**)	5.957.987	6.254.159
TỔNG CỘNG	<u>13.286.251.406</u>	<u>20.158.378.184</u>

(*) Số cuối kỳ là khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc hoặc kỳ hạn còn lại dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,6%/năm.

(**) Các khoản tương đương tiền cuối kỳ là khoản tiền gửi không kỳ hạn tại một công ty chứng khoán.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Tiền gửi ngân hàng (*)	111.300.000.000	70.800.000.000
TỔNG CỘNG	<u>111.300.000.000</u>	<u>70.800.000.000</u>

(*) Số cuối kỳ là khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc hoặc kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến dưới 01 năm và hưởng lãi suất từ 6,2% đến 8,5%/năm (tại 31 tháng 12 năm 2022 từ 4,4% đến 6,7%/năm).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	7.946.591.667	7.964.202.777
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.718.236.669	4.659.774.667
Công ty TNHH nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	1.572.840.000	1.349.100.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.324.717.595	897.087.541
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	2.480.186.905	3.531.738.183
TỔNG CỘNG	<u>18.042.572.836</u>	<u>18.401.903.168</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Ông Dương Tiến Nghĩa	10.406.000.000	-
Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - CN Tổng Công ty Cảng HK VN-CTCP	-	2.362.935.891
Các khoản trả trước khác	883.079.105	698.575.109
TỔNG CỘNG	11.289.079.105	3.061.511.000

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Phải thu về cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	7.500.000.000	51.277.848.500
TỔNG CỘNG	7.500.000.000	51.277.848.500

Chi tiết các khoản cho vay như sau:

<i>Bên đi vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Thời gian trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>VND</i>			
Công ty Taseco Đà Nẵng	4.500.000.000	Lãi và gốc trả khi đáo hạn. Khoản vay cuối cùng vào ngày 12 tháng 12 năm 2023	6,5%	Tín chấp
Oceanview Đà Nẵng	3.000.000.000	Lãi và gốc trả khi đáo hạn. Khoản vay cuối cùng vào ngày 13 tháng 07 năm 2023	8%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	7.500.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	8.036.454.257	6.188.055.620
Dự thu lãi tiền gửi, trái phiếu ngân hàng	2.108.186.279	2.896.193.131
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	469.560.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	490.236.932	674.094.035
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	2.697.882.248	3.678.992.134
TỔNG CỘNG	13.802.319.716	13.437.334.920
Dài hạn		
Đặt cọc thuê mặt bằng, mua hàng hóa	972.815.800	1.435.658.341
TỔNG CỘNG	972.815.800	1.435.658.341

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>		<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa, nguyên vật liệu	6.435.347.584	-	6.742.633.862	-
Công cụ, dụng cụ	120.925.344	-	192.781.510	-
TỔNG CỘNG	6.556.272.928	-	6.935.415.372	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	129.920.152	248.138.343
Chi phí bảo hiểm tài sản	89.712.727	115.173.994
Chi phí sửa chữa	34.743.891	69.294.523
Chi phí đồng phục	365.655.210	267.302.369
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	652.587.258	257.830.483
TỔNG CỘNG	1.272.619.238	957.739.712
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	323.664.139	372.434.403
Chi phí sửa chữa	70.554.030	123.223.047
Phí phát hành bảo lãnh	196.443.202	249.056.404
Chi phí trả trước dài hạn khác	226.472.026	24.472.308
TỔNG CỘNG	817.133.397	769.186.162

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	48.736.082.494	4.259.445.267	24.245.581.817	1.310.721.637	78.551.831.215
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	48.736.082.494	4.259.445.267	24.245.581.817	1.310.721.637	78.551.831.215
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	12.949.308.478	4.032.083.903	-	1.170.276.182	18.151.668.563
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	34.871.207.095	4.143.504.345	12.751.809.054	1.178.419.197	52.944.939.691
- Khấu hao trong kỳ	3.924.067.971	68.806.800	1.433.888.994	52.227.650	5.478.991.415
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	38.795.275.066	4.212.311.145	14.185.698.048	1.230.646.847	58.423.931.106
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	13.864.875.399	115.940.922	11.493.772.763	132.302.440	25.606.891.524
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	9.940.807.428	47.134.122	10.059.883.769	80.074.790	20.127.900.109
Tài sản dùng để thế chấp	-	-	4.282.410.836	-	4.282.410.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Phần mềm</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	425.150.000	67.592.000	492.742.000
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	425.150.000	67.592.000	492.742.000
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	<i>320.750.000</i>	<i>67.592.000</i>	<i>388.342.000</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	390.350.000	67.592.000	457.942.000
- Hao mòn trong kỳ	17.400.000	-	17.400.000
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	407.750.000	67.592.000	475.342.000
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	34.800.000	-	34.800.000
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	17.400.000	-	17.400.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 01 tháng 01 năm 2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	267.359.997.356	-	237.389.997.356	-
Đầu tư vào công ty liên kết	96.000.000.000	-	96.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.405.140.700	-	6.405.140.700	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	5.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	369.765.138.056	-	344.795.138.056	-

Đơn vị tính: VND

14.1 Đầu tư vào công ty con

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 01 tháng 01 năm 2023	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ/Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Dự phòng hợp lý (*)	Tỷ lệ vốn nắm giữ/Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Dự phòng hợp lý (*)
Công ty Taseco Đà Nẵng (**)	99,9%	-	99,9%	-
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	100%	-	100%	-
Công ty Taseco Sài Gòn	65%	-	65%	-
Công ty Taseco Media	99,9%	-	99,9%	-
Công ty Jalux Taseco	51%	-	51%	-
Công ty Taseco Phú Quốc	65%	-	65%	-
Công ty Hà Linh	51%	-	51%	-
TỔNG CỘNG		267.359.997.356		237.389.997.356

Đơn vị tính: VND

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(**) Theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 3 năm 2023. Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án mua thêm 2.997.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng trong đợt phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ. Vào ngày 22 tháng 3 năm 2023. Công ty đã hoàn tất việc mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng. Việc mua thêm này không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng.

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty trong công ty liên kết này như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 01 tháng 01 năm 2023		Đơn vị tính: VND	
			Giá gốc (VND)	Dự phòng	Giá gốc (VND)	Dự phòng		
			Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết (%)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("Công ty VinaCS")	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	Sản xuất món ăn, thực ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không và các dịch vụ phụ trợ khác.	96.000.000.000	-	96.000.000.000	-	26,67% (*)	26,67% (*)
TỔNG CỘNG			96.000.000.000	-	96.000.000.000	-		

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty liên kết này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</u>		<u>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	6.405.140.700	-	6.405.140.700	-
TỔNG CỘNG	<u>6.405.140.700</u>	<u>-</u>	<u>6.405.140.700</u>	<u>-</u>

(*) Đây là khoản đầu tư góp vốn vào một công ty kinh doanh các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không.

Chi tiết khoản dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>
	Số đầu năm	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	36.536.000
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>1.107.420.700</u>

14.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</u>		<u>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Đầu tư trái phiếu	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>		<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Nội Công ty CP Đầu Tư Phát triển Vân Đồn- CN Cảng Hàng Không Quốc Tế Vân Đồn-Sungroup	2.379.566.700	2.379.566.700	1.152.754.300	1.152.754.300
Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - CN Tổng Công ty Cảng HK VN-CTCP	237.012.126	237.012.126	1.120.840.923	1.120.840.923
Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Bảy Phải trả đối tượng khác	2.085.593.155	2.085.593.155	-	-
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.289.235.000	1.289.235.000	683.730.250	683.730.250
	5.841.082.657	5.841.082.657	7.619.127.504	7.619.127.504
	5.256.862.962	5.256.862.962	7.276.269.421	7.276.269.421
TỔNG CỘNG	17.089.352.600	17.089.352.600	17.852.722.398	17.852.722.398

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.422.471.051	4.466.326.635	(1.422.471.051)	4.466.326.635
Thuế thu nhập cá nhân	273.746.000	358.114.008	(577.650.008)	54.210.000
Thuế giá trị gia tăng	1.943.087.064	6.095.822.267	(4.079.672.982)	3.959.236.349
Các loại thuế khác	-	10.000.000	(10.000.000)	-
TỔNG CỘNG	3.639.304.115	10.930.262.910	(6.089.794.041)	8.479.772.984
Phải thu				
Thuế TNCN	337.000	62.000	(124.000)	275.000
Thuế giá trị gia tăng	1.188.118.402	111.003.757	(46.466.269)	1.252.655.890
TỔNG CỘNG	1.188.455.402	111.065.757	(46.590.269)	1.252.930.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Chi phí hội nghị	74.830.982	-
Chi phí kiểm toán	175.000.002	180.555.555
Thuê kho, mặt bằng quầy hàng	-	354.967.459
Các khoản khác	43.819.575	5.071.858
TỔNG CỘNG	<u>293.650.559</u>	<u>540.594.872</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	196.000.000	215.000.000
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	347.690.804	173.174.019
Các khoản phải trả khác	722.237.099	626.365.848
TỔNG CỘNG	<u>1.265.927.903</u>	<u>1.014.539.867</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

19. VAY	Thuyết minh	Ngày 01 tháng 01 năm 2023		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Đơn vị tính: VND
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng		3.070.456.175	3.070.456.175	-	(3.070.456.175)	-	-	
Vay tổ chức, cá nhân (*)	19.1	2.812.000.000	2.812.000.000	15.000.000.000	(15.000.000.000)	2.812.000.000	2.812.000.000	
TỔNG CỘNG		5.882.456.175	5.882.456.175	15.000.000.000	(18.070.456.175)	2.812.000.000	2.812.000.000	

19.1 Các khoản vay ngắn hạn tổ chức

Chi tiết các khoản vay tổ chức ngắn hạn như sau:

Công ty	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH một thành viên tài chính Toyota Việt Nam	2.812.000.000 VND	Khoản gốc vay đáo hạn vào ngày 28 tháng 07 năm 2023	8,79%	Phương tiện vận tải theo hợp đồng vay số 1000748402;1000748411;1000748372 ngày 27 tháng 7 năm 2022 và hợp đồng vay số 1000748399 ngày 28 tháng 7 năm 2022.

TỔNG CỘNG 2.812.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	450.000.000.000	35.066.203.031	485.066.203.031
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	12.377.853.911	12.377.853.911
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	<u>450.000.000.000</u>	<u>47.444.056.942</u>	<u>497.444.056.942</u>
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	450.000.000.000	68.030.556.762	518.030.556.762
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	17.708.647.820	17.708.647.820
- Thù lao HĐQT	-	(156.000.000)	(156.000.000)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	<u>450.000.000.000</u>	<u>85.583.204.582</u>	<u>535.583.204.582</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 01 tháng 01 năm 2023		Đơn vị tính: VND	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số		Cổ phiếu thường
Taseco Group	229.500.000.000	229.500.000.000	-	229.500.000.000	229.500.000.000	-
Cổ đồng khác	220.500.000.000	220.500.000.000	-	220.500.000.000	220.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	450.000.000.000	450.000.000.000	-	450.000.000.000	450.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	450.000.000.000	450.000.000.000
Số đầu năm	450.000.000.000	450.000.000.000
Số cuối kỳ	<u>450.000.000.000</u>	<u>450.000.000.000</u>
Cổ tức đã chia	-	-

20.4 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (01 tháng 01 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2022	Đơn vị tính: VND
Tổng doanh thu	69.871.327.230	56.854.851.785	138.967.304.979	89.033.981.073	
Trong đó:					
Doanh thu bán hàng	23.883.621.677	16.106.397.204	46.818.159.185	24.131.302.609	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.987.705.553	40.748.454.581	92.149.145.794	64.902.678.464	
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	
Doanh thu thuần	69.871.327.230	56.854.851.785	138.967.304.979	89.033.981.073	

Trong đó:

Doanh thu thuần từ bán hàng
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

Trong đó:

Doanh thu đối với bên khác
Doanh thu đối với các bên liên quan
(Thuyết minh số 28)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2022	Đơn vị tính: VND
Lãi cho vay, tiền gửi, trái phiếu	2.047.446.063	1.549.934.755	4.220.736.575	3.218.928.980	
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	816.038	-	816.038	
TỔNG CỘNG	2.047.446.063	1.550.750.793	4.220.736.575	3.219.745.018	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2022	Đơn vị tính: VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	8.175.399.671	7.032.113.847	16.604.115.815	10.794.209.366	
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	22.347.054.284	17.108.363.104	44.263.791.850	28.262.764.722	
TỔNG CỘNG	30.522.453.955	24.140.476.951	60.867.907.665	39.056.974.088	

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2022	Đơn vị tính: VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.742.211	7.835.884	76.281.734	10.276.660	
Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	(559.380.700)	949.950.540	-	36.536.000	
Chi phí lãi vay	80.018.037	223.982.989	207.297.599	471.449.211	
TỔNG CỘNG	(450.620.452)	1.181.769.413	283.579.333	518.261.871	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2022	Đơn vị tính: VND
Chi phí bán hàng					
Chi phí nhân công	8.301.154.479	5.525.021.354	16.729.035.892	9.575.368.804	
Chi phí thuê kho, mặt bằng	6.759.713.338	1.587.485.427	12.862.979.446	7.143.167.835	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.548.484.192	2.306.136.340	5.162.326.436	3.878.380.533	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	747.752.573	683.065.901	1.485.220.530	1.254.937.133	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.470.518.055	1.821.672.510	3.101.787.146	3.643.345.020	
Chi phí bán hàng khác	165.346.364	175.179.788	350.847.679	330.838.038	
TỔNG CỘNG	19.992.969.001	12.098.561.320	39.692.197.129	25.826.037.363	
Chi phí quản lý doanh nghiệp					
Chi phí nhân công	6.251.763.080	4.844.082.282	12.583.169.951	9.218.025.346	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.693.558.885	1.798.193.677	5.186.949.346	3.258.891.909	
Chi phí thuê kho, mặt bằng	593.340.000	524.840.001	1.197.360.000	1.049.680.002	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.907.846	86.448.201	150.049.271	153.730.776	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	150.459.537	195.492.660	329.739.152	400.791.570	
Chi phí quản lý khác	278.585.178	190.488.655	665.686.683	426.548.591	
TỔNG CỘNG	10.033.614.526	7.639.545.476	20.112.954.403	14.507.668.194	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2022	Đơn vị tính: VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.995.762.219	18.610.633.626	42.417.990.284	29.378.375.415	
Chi phí nhân công	17.458.544.516	12.329.498.910	35.189.153.039	21.929.616.646	
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.651.126.129	2.976.636.904	5.496.391.415	6.002.432.867	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.549.401.137	7.432.630.436	19.263.301.528	13.020.670.251	
Chi phí thuê mặt bằng	9.443.711.939	2.155.225.428	17.269.288.569	8.278.647.837	
Chi phí khác	450.491.542	373.958.443	1.036.934.362	780.936.629	
TỔNG CỘNG	60.549.037.482	43.878.583.747	120.673.059.197	79.390.679.645	

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2022	Đơn vị tính: VND
Thu nhập khác					
Thanh lý tài sản cố định, CCDC	-	-	-	27.096.306	
Thu nhập khác	39.391.675	30.413.014	83.259.916	45.247.909	
	39.391.675	30.413.014	83.259.916	72.344.215	
Chi phí khác					
Thanh lý tài sản cố định, CCDC	-	159.350	5.123.756	14.439.543	
Chi phí khác	292.002	24.835.336	134.564.729	24.835.336	
	292.002	24.994.686	139.688.485	39.274.879	
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẬN	39.099.673	5.418.328	(56.428.569)	33.069.336	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.466.326.635	-
TỔNG CỘNG	4.466.326.635	-

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.174.974.455	12.377.853.911
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	4.434.994.891	2.475.570.782
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái kỳ này	3.394.048	-
Chi phí không được trừ thuế khác	27.937.696	7.854.976
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái kỳ nay	-	(163.208)
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(2.483.262.550)
Chi phí thuế TNDN	4.466.326.635	-

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco ("Tập đoàn Taseco")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Công ty Taseco Đà Nẵng")	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Công ty Taseco Sài Gòn")	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng ("Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng")	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Công ty Taseco Media")	Công ty con
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco ("Công ty Jalux Taseco")	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Phú Quốc ("Công ty Taseco Phú Quốc")	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh	Công ty con
PENM IV Germany GmbH & Co, KG Company	Công ty sở hữu 10% trên vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco ("Công ty Taseco Land")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế ("Công ty Quản lý Bất động sản Quốc tế")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ ("Công ty Phú Mỹ")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4 ("Công ty ICON4")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Sinh thái Quốc tế ("Công ty Du lịch Quốc tế")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Taseco Invest ("Công ty Taseco Invest")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam ("Công ty Bao bì")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Alacarte Hạ Long ("Công ty Alacarte Hạ Long")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Yên Bình ("Công ty Yên Bình")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư TAH	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Xây dựng IKCONS ("Công ty IKCONS")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng không AAL	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Bất động sản Trảng An	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Thương mại Hải Hà	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Công nghệ Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Hồ Tây	Công ty cùng Tập đoàn Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc
Ông Lasr Kjaer	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Đức Long	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Kim Hongjin	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Loan	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên ban kiểm soát
Ông Đào Ngọc Thiết	Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>
Taseco Group	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.636.676	63.891.675
		Chi phí lãi vay	-	9.945.205
		Thanh toán tiền vay	-	1.200.000.000
Công ty Taseco	Công ty con	Cho vay	3.000.000.000	1.500.000.000
		Thu hồi cho vay	4.000.000.000	-
Oceanview		Doanh thu dịch vụ	9.181.819	-
Đà Nẵng		Lãi cho vay	264.821.918	20.515.068
		Chuyển trả tiền quỹ	42.000.000	-
		khen thưởng phúc lợi		
		Mua hàng hóa dịch vụ	134.322.726	120.926.622
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.725.606	42.425.896
		Mua dịch vụ hàng hóa	972.857.809	709.827.950
		Cho vay	7.500.000.000	26.000.000.000
		Thu hồi cho vay	42.944.000.000	10.000.000.000
		Chuyển tiền mua cổ phần	29.970.000.000	-
		Chuyển trả tiền quỹ	153.000.000	-
		khen thưởng phúc lợi		
		Lãi cho vay	944.248.278	774.406.224
	Thu hồi tiền lãi cho vay	1.382.758.499	-	
Công ty Taseco Media	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	6.429.807.479	4.567.266.600
		Chuyển trả tiền quỹ	71.000.000	-
		khen thưởng phúc lợi		
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	626.784.258	159.596.617
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.743.241.318	1.885.000
		Mua hàng hóa dịch vụ	527.428.449	323.148.690
		Lãi cho vay	212.256.828	230.166.181
		Thu hồi tiền cho vay	7.333.848.500	2.000.000.000
		Chuyển trả tiền quỹ	55.000.000	-
		khen thưởng phúc lợi		
		Thu hồi tiền lãi cho vay	961.468.311	-
Công ty Jalux Taseco	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.810.617	156.504.658
		Chuyển trả tiền quỹ	93.000.000	-
		khen thưởng phúc lợi		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Cho vay	-	32.000.000.000
		Thu hồi khoản cho vay	-	32.000.000.000
		Lãi cho vay	-	152.547.944
		Mua hàng hóa, dịch vụ	566.975.715	534.397.512
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	34.265.727
		Đi vay	-	1.200.000.000
		Chi phí lãi vay	-	17.630.137
		Góp vốn	-	8.000.000.000
		Trả tiền đi vay	-	5.500.000.000
Công ty Taseco Land	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.363.462	99.184.110
		Thu nhập bán thanh lý TSCĐ	-	485.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản Phú Mỹ	Công ty cùng tập đoàn	Lãi đi vay	-	38.801.369
		Chuyển trả tiền vay	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Nhà ga Quốc Tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.334.134	11.368.687
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.769.640	60.993.271
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc Tế	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.532.825	4.918.003
		Mua hàng hóa, dịch vụ	46.715.454	29.045.455
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Chuyển tiền góp vốn	-	6.000.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.855.299.755	1.042.288.297
		Mua hàng hóa, dịch vụ	368.872.258	286.677.408
		Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	27.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>
Công ty Hà Linh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	2.990.738.478 827.043.956 30.000.000	1.418.551.097 167.182.826 -
Công ty Cổ phần Alacarte Hạ Long	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ Doanh thu dịch vụ	1.075.050.454 5.454.546	- -
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.542.043	117.280.055
Các bên liên quan khác	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.396.136	755.556

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng, cung cấp dịch vụ và mua hàng, sử dụng dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 01 tháng 01 năm 2023: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà các bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	86.997.386
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	900.000	-
Taseco Group	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.182.744	3.713.244
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.400.000	23.950.000
Công ty Taseco Land	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.226.538	43.060.550
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.900.000	19.900.000
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	544.426.224	17.665.992
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.185.137.202	124.180.075
Công ty Jalux Taseco	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.438.500	-
Công ty Hà Linh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	669.592.409	3.177.700.936
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc Tế	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.183.288	2.400.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.600.000
Công ty Cổ phần Alacarte Hạ Long	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.000.000	9.200.000
Các cá nhân liên quan khác	Người liên quan	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.800.000	20.370.000
TỔNG CỘNG			2.480.186.905	3.531.738.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)				
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Cho vay	4.500.000.000	39.944.000.000
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Cho vay	-	7.333.848.500
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Cho vay	3.000.000.000	4.000.000.000
TỔNG CỘNG			7.500.000.000	51.277.848.500
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Lãi cho vay phải thu	320.712.329	55.890.411
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Lãi cho vay phải thu	2.188.766.672	2.622.612.893
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Phải thu khác	-	4.664.000
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Lãi cho vay phải thu	3.134.247	752.345.730
Công ty Hà Linh	Công ty con	Phải thu khác		207.710.100
Công ty Taseco Media	Công ty con	Phải thu khác	35.769.000	35.769.000
Các cá nhân liên quan khác		Phải thu khác	149.500.000	-
TỔNG CỘNG			2.697.882.248	3.678.992.134
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)				
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	722.157.606	1.437.032.546
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	61.915.000	-
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	493.708.300	742.180.247
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	111.288.984	90.111.014
Công ty Taseco Media	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.662.013.192	5.006.945.614
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc Tế	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	20.242.000	-
Công ty Cổ phần Alacarte Hạ Long	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.182.555.500	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng không AAL	Công ty cùng tập đoàn		2.982.380	-
TỔNG CỘNG			5.256.862.962	7.276.269.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 năm 2022
Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	36.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó chủ tịch	30.000.000	-
Ông Lê Anh Quốc	Phó chủ tịch/Tổng giám đốc	424.585.000	355.482.000
Ông Lasr Kjaer	Thành viên	30.000.000	-
Ông Lê Đức Long	Thành viên	30.000.000	-
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên	30.000.000	-
Ông Vũ Minh Tuấn (*)	Phó Tổng giám đốc	-	310.510.000
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	299.865.000	254.218.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng giám đốc	362.033.000	320.052.000
Bà Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng giám đốc	368.732.000	319.218.000
Bà Trần Thị Loan	Trưởng ban kiểm soát	30.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên ban kiểm soát	18.000.000	-
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên ban kiểm soát	18.000.000	-
TỔNG CỘNG		1.677.215.000	1.559.480.000

(*) Miễn nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2023

29. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T1 và T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam có thời điểm kết thúc từ tháng 12 năm 2024 đến tháng 6 năm 2026;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga Vân Đồn – Cảng Hàng không Quốc tế Vân Đồn với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vân Đồn – Chi nhánh Cảng Hàng không Quốc tế Vân Đồn có thời điểm kết thúc tháng 12 năm 2024; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
Đến 1 năm	34.366.019.100	14.529.197.600
Từ 1 - 5 năm	41.600.414.286	11.724.521.812
TỔNG CỘNG	75.966.433.386	26.253.719.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho Quý 2 năm 2023 kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 4 năm 2023. Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án mua thêm 964.000 cổ phần tương ứng với tỷ lệ 2,63% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam. Vào ngày 1 tháng 7 năm 2023. Công ty đã hoàn tất việc mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam. Việc mua thêm này làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam từ 26,67% lên 29,3% từ ngày 1 tháng 7 năm 2023.


Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Trần Văn Hưng
Người lập



Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng

Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2023